

DIỆN MẠO CỦA TIỂU THUYẾT CÓ TÍNH CHẤT TỰ TRUYỆN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ KỶ XX

Nguyễn Văn Tổng¹

TÓM TẮT

So với các thể loại khác, tiểu thuyết có tính chất tự truyện có tuổi đời còn khá trẻ. Nó là sản phẩm mang dấu ấn của thời kỳ hiện đại, nhưng tiểu loại này đã được áp dụng và thay đổi trong suốt cả quãng dài thời kỳ trung đại. Nhờ công cuộc hiện đại hóa văn học những năm đầu thế kỷ XX tạo nên chất xúc tác, giúp cho tiểu thuyết có tính chất tự truyện hình thành ngày một rõ nét, góp phần làm phong phú và đa dạng cho tiểu thuyết Việt Nam thế kỷ XX.

Từ khóa: *Tiểu thuyết, tính chất tự truyện, tiểu thuyết có tính chất tự truyện*

1. Dẫn nhập

Tiểu thuyết tự truyện (tiếng Pháp gọi là “autofiction”, tiếng Anh/Mỹ gọi là “autobiographical novel”) được biết đến lần đầu tiên vào năm 1977, khi Serge Doubrovsky “đã sáng chế thuật ngữ ghép hai từ auto (chính mình) và fiction (hư cấu) dính liền với nhau” [1, tr. 34]. Trên thế giới, tiểu thuyết tự truyện bắt đầu nở rộ từ thế kỷ XX, gắn liền với những tên tuổi lớn như: Ch. Dickens (*David Copperfil*), M. Gorki (*Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi*), L. Tolstoy (*Thời thơ ấu, Thời niên thiếu, Thời thanh niên*), Aragon (*Gã dân quê*), Claude Simon (*Điện viên, Cây keo*), M. Duras (*Người tình*)... Ở Việt Nam, mặc dù tiểu thuyết có tính chất tự truyện xuất hiện cùng thời với những thể loại văn học hiện đại khác và cho đến nay, tiểu loại này tiếp tục phát triển theo thời gian nhưng gần như những nhà nghiên cứu vẫn chưa xác định rõ gương mặt tiểu loại của nó. Sử dụng thuật ngữ *tiểu thuyết có tính chất tự truyện* trong bài viết này, chúng tôi muốn cụ thể hóa những tác phẩm mà ở đó *tác giả đã sử dụng chất liệu đời tư của chính bản thân mình để hư cấu hóa thành thể giới nghệ*

thuật tiểu thuyết, trong đó bao gồm cả các tác phẩm tiểu thuyết có khuynh hướng tự truyện, có bóng dáng tự truyện, tính chất tự truyện. Ở các tác phẩm này, hầu như các tác giả đều chọn lựa yếu tố “hư cấu” để “viết lại” câu chuyện đời mình, nhưng trong quá trình sáng tạo, mỗi một nhà văn, qua mỗi giai đoạn khác nhau đều có một phương cách xử lý chất liệu sự thật đời tư của mình theo cách thức riêng để tạo thành thể giới nghệ thuật vừa lạ, vừa quen, vừa gần gũi, vừa xa xôi, gợi sự tò mò, thích thú, lôi cuốn người đọc phiêu lưu trong thế giới đời tư với muôn vàn ngõ khuất lấp để đồng sáng tạo với tác giả.

2. Diện mạo của tiểu thuyết có tính chất tự truyện trong văn học Việt Nam thế kỷ XX

2.1. Giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến 1945

Đầu thế kỷ XX, cùng với sự thay đổi trong hệ hình tư duy theo hướng hiện đại, với quan niệm hiện thực là thế giới khách quan, tồn tại độc lập đã đưa đến quan niệm xem văn chương là hình thức “mô phỏng” hay “bắt chước” hiện thực, là tấm gương phản chiếu hiện thực đời sống. Sáng tạo văn chương đi theo

¹Trường Đại học Phú Yên
Email: nguyenvantong78@gmail.com

trình tự: từ ý tưởng đến cách thức thể hiện. Có ý tưởng, xây dựng ý tưởng xong mới tiến hành chọn lựa cách thức thể hiện sao cho dung chứa đầy đủ ý tưởng và đạt được hiệu quả cao nhất, nhằm truyền tải, thực hiện nhiệm vụ phản ánh thực tại. Văn chương chú trọng nguyên tắc trình bày, miêu tả, mô phỏng hiện thực, hướng đến xây dựng một thế giới giống như thật. Tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX đến 1945 bắt đầu “đoạn tuyệt” hẳn lối tiểu thuyết chương hồi với kiểu nhân vật hành động cùng những tình tiết, sự kiện, xung đột đầy kịch tính để hướng đến xây dựng tiểu thuyết theo kết cấu tâm lý. Nói cách khác, kết cấu truyện bắt đầu có sự chuyển đổi từ không gian rộng lớn cùng với những biến cố, sự kiện sang chiều sâu tâm lý con người, cốt truyện truyền thống dần được thay thế bằng cốt truyện tâm lý. Nhân vật trong tiểu thuyết cũng bắt đầu rời khỏi kiểu nhân vật hành động cùng những đại diện cho những phạm trù đạo đức để hướng đến xây dựng nhân vật như con người của đời sống thường nhật với những rung cảm tinh tế bên trong nội tâm cùng các mối quan hệ giữa con người với nhau trong xã hội như nó vốn có. Chính vì thế, khi đi vào lý giải tính cách nhân vật, tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn này bước đầu có những thể nghiệm về việc lý giải tính cách con người như là một sản phẩm của hoàn cảnh, được hình thành và phát triển gắn liền cùng môi trường sống, nó luôn luôn ở trong trạng thái vận động tự thân chứ không còn là sản phẩm “vốn sẵn tính trời”, nguyên phiến, bất biến, không hề chịu sự tác động của hoàn cảnh. Đây

cũng là một trong những yếu tố đánh dấu sự chuyển mình của nền văn học trung đại, mang đậm dấu ấn đặc trưng văn hóa phương Đông sang tư duy văn học phương Tây, gắn liền với trào lưu văn học lãng mạn và hiện thực.

Trên nền của đời sống văn học đang làm cuộc cách tân rầm rộ, những tác phẩm tiểu thuyết có tính chất tự truyện cũng định hình được gương mặt tiểu loại của mình trên văn đàn. Những ngày đầu khi *Phan Bội Châu niên biểu* (Phan Bội Châu) hay *Giác mộng lớn* (Tản Đà) ra đời, người đọc còn thấy ngỡ ngàng với tiểu thuyết có tính chất tự truyện nhưng chỉ một thời gian ngắn, có đến hàng loạt tiểu thuyết như: *Bức đồng* (Đỗ Đức Thu), *Mực mài nước mắt* (Lan Khai), *Chiếc cáng xanh* (Luu Trọng Lư), *Sống nhờ* (Mạnh Phú Tư), *Dã tràng* (Thiệt Can), *Ngậm miêng*, *Hai người điên giữa kinh thành Hà Nội* (Nguyễn Bính), *Sống mòn* (Nam Cao) ra đời mang theo câu chuyện đời tư tự kể đã nhanh chóng trở nên quen thuộc và neo vào lòng người đọc niềm trân trọng, xót xa. Dầu thế, đại từ nhân xưng “tôi” mang nghĩa tuyệt đối của cá nhân nhà văn trong tiểu thuyết vẫn còn có những giới hạn nhất định, trong khi Thơ mới cùng với sự hiện diện của cái tôi cá nhân tác giả đã đủ sức lớn mạnh để chiến thắng cả một thời đại chữ “ta” từng tồn tại hàng nghìn năm trong loại hình văn học trung đại dân tộc. Tuy nhiên, sự hiện diện của cái tôi tự thuật trong tiểu thuyết có tính chất tự truyện cũng đã tạo nên những thành tựu đáng kể cho văn học Việt Nam trên bước đường hiện đại hóa.

Đặc trưng của tự thuật nói chung và tiểu thuyết tự truyện nói riêng thường là

do một người thật ngược dòng thời gian kể lại đời mình, nhân mạnh tới cuộc sống cá nhân, đặc biệt là lịch sử hình thành nhân cách. Phần lớn các tiểu thuyết tự truyện trên thế giới được viết ra khi tuổi đời của tác giả đã khá lớn, bởi thể loại tiểu thuyết này cần phải có một độ lùi nhất định về thời gian để “ngẫm về đời” từ những trải nghiệm chính bản thân mình mới viết nên được những dòng “tự thú thành thật”. Khi người cầm bút có nhu cầu đào xới chiều sâu bản thể, lẽ đương nhiên họ sẽ ngược dòng thời gian, hồi tưởng quá khứ để nhìn nhận lại quá trình hình thành nhân cách. Vì vậy, trong tiểu thuyết tự truyện, người kể chuyện thường đứng ở một thời điểm hiện tại để nhìn lại quá khứ của mình tựa như một lối tìm về để hiểu rõ mình hơn. Văn học thế giới cũng đã có rất nhiều tự truyện mà ở đó quãng đời trong quá khứ của mình được nhà văn lưu tâm khám phá như: *Đi tìm thời gian đã mất* của M. Proust; *Tuổi thơ* của N. Sarraute; *Sống để kể lại* của G. G. Marquez; *Thời thơ ấu, Thời niên thiếu* của L. Tolstoy; hay *Thời thơ ấu* và *Những trường đại học của tôi* của M. Gorky... Ở Việt Nam, mặc dù khi bàn về tiểu thuyết tự truyện, giới nghiên cứu còn thận trọng trong việc xác định danh tính thể loại, tuy nhiên qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy cùng với sự lớn mạnh của thể loại tiểu thuyết chặng đường nửa đầu XX, trong tiểu thuyết đã có sự xâm nhập của tự truyện. Mặc dù số lượng tác phẩm chưa nhiều nhưng nó cũng đã đạt được những thành tựu nhất định. Phần lớn các tác giả này đều là trí thức nghèo thành thị. Họ “tự thú” về cuộc đời mình khi tuổi đời còn khá trẻ:

Nguyễn Hồng viết *Những ngày thơ ấu* năm mười tám tuổi, Đỗ Đức Thu viết *Bóc đồng* năm ba mươi hai tuổi; Lan Khai viết *Mực mài nước mắt* năm ba mươi lăm tuổi; Lưu Trọng Lư viết *Chiếc cánh xanh* năm ba mươi tuổi; Mạnh Phú Tư viết *Sống nhờ* năm hai mươi tám tuổi; Nam Cao viết *Sống mòn* năm hai mươi bảy tuổi. Chính vì những tiểu thuyết có tính chất tự truyện này được viết ra khi tuổi đời của tác giả còn khá trẻ cho nên nó cũng mang sắc thái rất riêng. Những ký ức tuổi thơ luôn thường trực trong hầu hết các tác phẩm ra đời trong chặng đường này. Điều đáng nói ở đây là, gần như những mảng đời bất hạnh trong quãng thời thơ ấu của mình đều được nhà văn kể một cách khá chân thật. Nếu như con người cá nhân trong Thơ mới từng đôi lần cảm thấy cô độc khi tìm về với “đường về thu trước” xa lắm, hay sợ nỗi cô đơn khi gặp lại và đối diện với chính mình: “*Chớ để riêng em phải gặp lòng em*” (Xuân Diệu) thì ở tiểu thuyết có tính chất tự truyện điều này gần như hoàn toàn ngược lại. Các nhà văn lật xới lại quá khứ đời mình như một sự tìm về để gặp lại chính mình. Vì vậy, nhiều tiểu thuyết có tính chất tự truyện chặng đường nửa đầu thế kỷ XX viết về thời thơ ấu thường đi vào khai thác những nỗi đau, những thua thiệt trong đời như phần nào đó để tác giả lý giải về quá trình hình thành nhân cách của mình. Nhờ thế, khi đến với những trang tiểu thuyết này, người đọc mới có dịp sống trong miền hiện thực vốn từ lâu đã phong kín trong thăm sâu tâm hồn từng nhà văn và góc khuất về lai lịch cuộc

đời tác giả cũng được hé mở dưới lớp ngôn từ tiểu thuyết.

Với nhịp chuyển mau lẹ của văn học Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa, sự xuất hiện của tiểu thuyết có tính chất tự truyện nửa đầu thế kỷ XX đã đánh dấu bước tiến mới trong quan niệm về con người. Con người xuất hiện trong các tác phẩm từ nhân vật cậu bé Hồng (*Những ngày thơ ấu*), Dần (*Sống nhờ*), đến nhân vật “tôi” (*Chiếc áo xanh*), Điệp (*Hai người điên giữa kinh thành Hà Nội*), “tôi” (*Ngậm miệng*), Khải (*Mực mài nước mắt*), Thứ (*Sống mòn*)... đều tồn tại như một thực thể đơn nhất, có cả một quá trình hình thành nhân cách chịu sự chi phối và tác động từ hoàn cảnh thực tại. Kiểu tính cách này chính là sản phẩm của thời hiện đại, nó gần như hoàn toàn đối lập với cách xây dựng tính cách con người trong văn học trung đại. Văn học trung đại thường quan niệm nhân cách con người như một sản phẩm “nguyên phiến” của tự nhiên, gần như là một “thứ tính trời” nên dù cho hiện thực đời sống luôn vận động không ngừng thì tính cách ấy vẫn không hề thay đổi.

Ở chặng đường đầu thế kỷ XX đến 1945, tiểu thuyết có tính chất tự truyện đã có những thử nghiệm đầu tiên trong việc lý giải tính cách con người bằng hoàn cảnh. Tính cách của Dần trong *Sống nhờ* là đan xen giữa tình yêu thương, dễ xúc cảm và sự ngang ngạnh, ương bướng. Tất cả những tính cách ấy đều có nguồn mạch của nó. Tình yêu thương và xúc cảm được hình thành nên từ những ngày sống trong vòng tay che chở của bà và những khoảnh khắc ngọt ngào của tình mẫu tử. Tính ngang

ngược, ương bướng nảy sinh từ những “phản ứng tất yếu” trước sự đối xử tàn tệ của người di và hai người chú. Chính điều này đã làm nên cách cư xử, phản ứng đôi khi chứa đầy mâu thuẫn của Dần trong cuộc sống thường nhật. Nhân vật Thứ trong *Sống mòn* luôn ẩn chứa những tính cách đầy mâu thuẫn giữa một con người có nhân cách, có khát khao, hoài bão cao đẹp và sự ti tiện, nhỏ nhen, ích kỷ khiến cho Thứ trượt dài trong cảnh sống vô nghĩa. Những nét tính cách ấy của Thứ nảy sinh từ hoàn cảnh sống thực tại, một thực tại của người trí thức luôn đối mặt với những chạt vật của nạn cơm áo đời thường.

Một trong những điểm đáng lưu ý nữa của những tiểu thuyết này đó chính là ở phương diện kết cấu truyện. Các tiểu thuyết có tính chất tự truyện chặng đường nửa đầu thế kỷ XX thường có xu hướng lợi ngược dòng ký ức để tìm lại quá khứ đời mình nên kiểu kết cấu câu chuyện thường được triển khai theo chuỗi thời gian tuyến tính với trình tự biên niên. Nhà văn hay bắt đầu dòng hồi tưởng theo trình tự dòng chảy thời gian nhất định cùng những diễn biến, sự kiện từng xảy ra trong đời mình. Điều này cũng tạo nên không ít những hạn chế cho các tác phẩm ra đời ở chặng đường đầu này.

Trong *Sống nhờ*, tuổi thơ của Mạnh Phú Tư dần hiện lên theo trình tự thời gian từ thuở “Tôi sinh vào giờ dần” đến khi “tôi lên tỉnh thi”... rồi xuống Hải Phòng học cho đến khi “tôi thi vào lớp Sư phạm. Và kết quả cuối cùng cả năm là: trượt” [2, tr. 141], gắn liền với những biến cố dồn dập trong đời sớm đầy tác giả vào cảnh sống “ăn nhờ ở

đâu” hết bên nội rồi đến bên ngoại trong sự tẻ bạc của những người chú, người cậu. Trong *Chiếc cánh xanh, Mực mài nước mắt, Sống mòn...* các câu chuyện cũng được hồi thuật lại theo chuỗi thời gian biên niên. Tuy nhiên, chuỗi thời gian ấy được tái dựng lại theo dòng hoài niệm. Cho nên, trong tiểu thuyết có tính chất tự truyện thường ít sự kiện, ít xung đột, kịch tính, thường chỉ là những mẩu chuyện đời thường nhưng lại được lưu giữ trong miền ký ức tác giả. Từ chuyện đưa trẻ thèm được yêu thương “trong lòng mẹ”, thèm được ăn quà (*Sống nhờ*), đến những suy nghĩ đầy nhỏ nhen của ông giáo dạy học trường tư (*Sống mòn*), hay cảnh sống khốn khó của một văn sĩ nghèo hằng ngày luôn đối mặt với cảnh “hết tiền nhà đến tiền gạo... và còn tám năm thứ tiền khác nữa” (*Mực mài nước mắt*).

Sự xuất hiện của tiểu thuyết có tính chất tự truyện trong giai đoạn đầu thế kỷ XX đến 1945 mặc dù còn có những giới hạn nhất định nhưng đây cũng là bước chuyển động ban đầu để tạo đà cho sự phát triển của tiểu loại tiểu thuyết này trong những năm về sau.

2.2. Giai đoạn từ 1945 đến 1975

Từ bước chuyển ban đầu ở giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, tiểu thuyết có tính chất tự truyện lưu lại những dấu ấn đậm nét qua hàng loạt tác phẩm ra đời ngay giữa lòng đô thị miền Nam trong những năm mà cả nước đang ngập tràn lửa đạn của chiến tranh. Trong khi cả một thời gian dài ở giai đoạn này, tiểu thuyết có tính chất tự truyện gần như không xuất hiện trong văn học cách mạng thì mảnh đất phương Nam cùng với những điều kiện văn hóa tương đối

khác, mặc dù đời sống xã hội bất ổn về chính trị nhưng người nghệ sĩ lại mạnh dạn hơn trong sáng tạo nghệ thuật.

Nhờ sự mở rộng, giao lưu với những tư tưởng hiện đại đến từ khắp nơi trên thế giới mà các trào lưu, lý thuyết văn học, các luồng tư tưởng được giới thiệu một cách rộng rãi, đa dạng. Từ thuyết hiện sinh với S. Kierkegaard, F. Nietzsche, K. Jaspers, J. P. Sartre... đến hiện tượng luận với Husserl, Merleau-Ponty, Gabriel Marcel...; từ thuyết cấu trúc đi từ lĩnh vực ngôn ngữ học của F. de Saussure đến nhân chủng học và văn học với Claude-Lévi Strauss, Roland Barthes và cả phân tâm học của Freud... đã “tạo cho con người những cái nhìn, những viễn tượng mới, đưa tâm hồn con người đi xa vào nhiều thế giới bên ngoài, cũng như đi sâu hơn vào nội giới bên trong nó, để nhận biết được chính con người mình và cuộc đời hơn.” [3, tr. 68]. Nhờ thế mà văn học miền Nam mới có cơ hội tiếp nối được cuộc hành trình khám phá cái tôi cá nhân của văn học Việt Nam ở những năm về trước trên nhiều bình diện khác nhau. Đây cũng là bước tạo đà cho văn học có dịp đi vào thâm nhập đời sống hiện thực, dần khai mở từng mảng sáng - tối, đen - trắng vô cùng phức tạp của những năm tháng đất nước chìm ngập trong đau thương chiến tranh. Từ *Nửa đêm trắng sụp* đến *Trăm nhớ ngàn thương* của Bình Nguyên Lộc; hay *Thương hoài ngàn năm* của Võ Phiến; *Đêm tóc rơi*, *Con sâu* của Dương Nghiễm Mậu; *Như thiên đường lạnh*, *Khung rêu* của Nguyễn Thị Thụy Vũ... đều là những cảm nhận sâu sắc về thân phận con người trong thế giới đầy phi

lý. Đời sống luôn được miêu tả trong các tác phẩm này như thảm kịch, là hư vô, kiếp người mong manh, chói với trong ngạt tràn đau khổ, cô đơn, chia lìa... Trong thế giới ấy, các nhân vật tiểu thuyết cũng đã vẫy vùng, nổi loạn để chống trả cho dù là chống trả trong tuyệt vọng. Họ muốn chống lại sự phi lý, muốn tìm ý nghĩa tuyệt đích giữa cuộc đời để đừng “buồn nôn”, đừng bị đắm chìm trong vũng lầy kinh khủng của thực tại, nhưng họ lại rơi vào bi kịch tuyệt vọng trước hiện thực cuộc đời đầy những phi lý đang hiển hiện. Những tác phẩm: *Một mình* (Võ Phiến), *Cát lầy* (Thanh Tâm Tuyền), *Điều ru nước mắt* (Duyên Anh), *Bóng tối thời con gái* (Nhã Ca) và hàng loạt các tiểu thuyết của Thế Uyên, Y Uyên, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Hoàng Anh Tuấn... đều thể hiện góc nhìn chân thật về thân phận con người trong chiến tranh đau thương. Có thể nói, những chiêm nghiệm đa chiều về thân phận con người là một trong những nét nổi trội trong tiểu thuyết ở chặng đường này.

Giữa hiện thực đời sống đầy sôi động của văn học đô thị miền Nam trong những năm tháng đất nước chia cắt hai miền Nam - Bắc ấy, tiểu thuyết có tính chất tự truyện vẫn tiếp tục dòng chuyển lưu của mình. Điều này được đánh dấu bằng sự trình làng của một số tác phẩm ngay giữa lòng đô thị miền Nam. Khi *Mười đêm ngà ngọc* của Mai Thảo ra đời, dư luận công chúng độc giả thời bấy giờ đã thoáng thấy bóng dáng câu chuyện tình vượt ra ngoài khung nền văn hóa phương Đông ẩn trong tâm tình “chuyện ba người” tựa như chuyện tình một thời từng xôn xao

giữa Mai Thảo và ca sĩ Thái Thanh. Cho đến *Vòng tay học trò* của Nguyễn Thị Hoàng cũng đã làm dấy lên làn sóng trong dư luận những ngờ vực rằng: liệu chẳng đây là câu chuyện tình của chính nữ sĩ? Bởi hình ảnh cô giáo Tôn Nữ Quỳnh Trâm có nhiều điểm tương đồng với lai lịch tác giả: sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Huế, sau đó chuyển vào sinh sống ở Nha Trang, từng học Đại học Văn khoa và Luật ở Sài Gòn, nhưng rồi bỏ ngang, lên Đà Lạt dạy học... Tuy nhiên, đây cũng chỉ là một vài ba nét chấm phá về cuộc đời tác giả qua tác phẩm. Tính chất tự truyện trong tiểu thuyết ở đô thị miền Nam chỉ thực sự in đậm dấu ấn của mình qua *Hoa bướm bướm* và *Như cánh chim bay* của Võ Hồng; *Tôi nhìn tôi trên vách* của Túy Hồng; *Bếp lửa* của Thanh Tâm Tuyền... Ở những tác phẩm này, mức độ nhận biết về sự thật trong tác phẩm có phần khó hơn so với các tác phẩm ra đời ở giai đoạn trước, đa phần sự thật trong tác phẩm đã được “làm mới” lại qua nghệ thuật hư cấu, chất tiểu thuyết trong các tác phẩm này có phần đậm hơn và chất tự truyện khá mờ nhạt. Người đọc nếu như không có một vốn hiểu biết nhất định về tác giả sẽ khó mà nhận diện ra được đâu là cuộc đời, con người thật của tác giả, đâu là nhân vật hư cấu trong tác phẩm. Nhân vật Luân (*Hoa bướm bướm*), Trâm (*Vòng tay học trò*), Khanh (*Tôi nhìn tôi trên vách*) đã không còn “mang tấm thẻ căn cước” cuộc đời tương khớp với nhà văn nữa mà họ chỉ còn là “cái bóng”, “hao hao” tác giả.

Mặc dù con số tác phẩm chưa nhiều nhưng phần nào đó cũng cho thấy ngay

giữa những ngày tháng đau thương của dân tộc, dòng tiểu thuyết có tính chất tự truyện vẫn có được sức sống riêng, tiến trình vận động của nó gần như không hề đứt quãng, vẫn có sự tiếp nối, kế thừa và bồi đắp theo thời gian.

2.3. Giai đoạn từ 1975 đến hết thế kỷ XX

Sau 1975, khi hòa bình lập lại, đất nước thống nhất, con người trở về với cuộc sống đời thường cùng bao bộn bề vốn có của nó, sự muôn mặt của đời sống như tiếp thêm sức mạnh, thổi bùng lên sức hồi sinh của lối viết tự truyện trong tiểu thuyết Việt Nam. Sau 1986, hàng loạt tác phẩm tiểu thuyết có tính chất tự truyện ra đời như: *Thời xa vắng* của Lê Lưu, *Miền thơ ấu* của Vũ Thư Hiên, *Chuyện kể năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn, *Tuổi thơ dữ dội* của Phùng Quán, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh...

Từ sau thời kỳ đổi mới, cùng với những thay đổi quan niệm hiện thực và con người đã tạo điều kiện cho nhà văn “tự tìm lại chính mình”, để một lần được trung thực với mình, chân thành bộc bạch, giải bày những niềm suy tư, trăn trở ẩn sâu trong bề tâm hồn. Người nghệ sĩ cũng đã có dịp để “tự thú” một cách thành thật: “Đọc lại những trang viết của tôi một thời mà tiếc cho những năm tháng đã sống vất vả, sống nguy hiểm, sống hào hùng rút lại chỉ còn là những bài báo nhạt nhẽo, không có một chi tiết nào là thật, không có một khung cảnh nào day dứt, gợi nhớ, không có một gương mặt nào cảm động, ám ảnh” [4, tr. 53]. Có lẽ vì thế mà công chúng độc giả hôm nay ít nhiều được bắt gặp bóng dáng cuộc đời thực của nhà văn đổ bóng

xuống trang tiểu thuyết. Hiện tượng này còn kéo dài cho đến những năm đầu thế kỷ XXI qua các tác phẩm: *Thượng đế thì cười* (Nguyễn Khải), *Một mình một ngựa* (Ma Văn Kháng), *Gia đình bé mọn* (Dạ Ngân), *Tám ván phóng dao* (Mạc Can)... Ở các sáng tác này, gần như phần tiểu sử đời tư tác giả đã được “viết lại” bằng thủ pháp nghệ thuật theo dụng ý của tác giả.

Như trường hợp *Chuyện kể năm 2000*, truyện được hư cấu hóa từ chính một quãng đời mà Bùi Ngọc Tấn từng trải qua trong những năm tháng tù đầy. Nhưng điểm khác ở đây là giữa nhân vật chính trong tác phẩm và nhà văn khá tương khớp: vẫn là năm sinh ấy (1934), vẫn số hiệu tù CR880, vẫn là hoàn cảnh, sự kiện diễn ra trong suốt quãng thời gian nếm trải cảnh lao tù nhưng nhà văn đã “đánh tráo”, nhân vật được trần thuật từ ngôi thứ ba, làm cho câu chuyện hiện thực từ chính cuộc đời tác giả bị nhòe đi. *Chuyện kể năm 2000* được kể từ điểm nhìn của nhân vật “hắn”, nhà văn đã tạo cho mình một khoảng cách với nhân vật. Vì thế, nhân vật “hắn” đâu có là bản sao của cuộc đời tác giả đi chăng nữa thì nhân vật và tác giả cũng không hoàn toàn là một, dù rằng tác giả của tiểu thuyết này đã từng thú nhận: “*Chuyện kể năm 2000* là một quyển tiểu thuyết mang đậm chất tự sự. Nó in dấu ấn cuộc đời tác giả tức là tôi, gần như không thêm bớt...” [5]. Thực ra, đây không phải là vấn đề mới của tiểu thuyết, vì trong đời sống văn học trên thế giới và cả ở Việt Nam những năm về trước cũng đã có hiện tượng này. Tuy nhiên, mỗi một nền văn hóa và mỗi một thời đại lịch sử khác nhau thì khả năng sáng tạo từ nguyên mẫu cũng như

năng lực hư cấu và tự hư cấu của từng nhà văn mang những nét khác nhau mà không hề có bất cứ sự trùng lặp nào.

Cùng chung trong dòng chảy của tiểu thuyết có tính chất tự truyện nhưng những tác phẩm ra đời từ những năm sau 1975 như *Tuổi thơ dữ dội* (Phùng Quán), *Thời xa vắng* (Lê Lựu), *Chuyện kể năm 2000* (Bùi Ngọc Tấn), *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh)... lại mang một sắc màu khác. Vấn đề đặt ra trong các tác phẩm này không chỉ đi vào khai thác số phận con người dưới góc nhìn hiện sinh, hay phảng phất chút sắc màu Phật giáo mà nó còn cho thấy một lối nhìn đầy soi xét của con người trong cuộc sống hôm nay, nhìn lại quá khứ để khám phá con người thật của mình như hồng tìm lời giải cho câu hỏi “Tôi là ai?”. Vì thế, quá trình viết của tác giả không còn là sự tái hiện lại quá khứ, hoặc làm sống lại quá khứ ấy qua góc nhìn hồi cố, chiêm nghiệm mà đó còn là cả một sự thức ngộ của mình trước cuộc đời. Bởi chính tác giả cũng chưa hiểu và không thể hiểu hết được chính bản thân mình ở quá khứ, một quá khứ như mới vừa diễn ra nhưng để hiểu hết về nó, hiển nhiên là điều không dễ. Cho nên, nhà văn không kể, trình bày lại “thời đã qua” mà chủ yếu là phân tích, lý giải, cắt nghĩa, soi xét để tìm ra sự thật về con người mình, một sự thật mà tác giả muốn hiểu hết về nó chứ không phải là sự thật tác giả đã từng biết/từng hiểu.

3. Kết luận

Tiểu thuyết có tính chất tự truyện ra đời gắn liền với quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam. Nó chính là sản phẩm của sự cộng sinh giữa nội lực truyền thống văn hóa dân tộc và sự tiếp

biến một cách có chọn lọc văn hóa phương Tây cùng những khát vọng tự do, ý thức cá nhân của người nghệ sĩ. Đặc biệt, sự ra đời của tiểu loại này là kết quả của quá trình vận động và phát triển trong trạng thái dung hợp giữa tiểu thuyết và tự truyện - giữa tự truyện và tiểu thuyết. Chính sự lai ghép này giúp cho tiểu thuyết có tính chất tự truyện mang chứa một số đặc điểm của hai thể loại gốc là tiểu thuyết và tự truyện.

So với các thể loại khác, tiểu thuyết có tính chất tự truyện có tuổi đời còn khá trẻ. Nó là sản phẩm mang dấu ấn của thời kỳ hiện đại, nhưng tiểu loại này đã được ấp ủ và thai nghén trong suốt cả quãng dài thời kỳ trung đại. Nhờ công cuộc hiện đại hóa văn học những năm đầu thế kỷ XX tạo nên chất xúc tác, giúp cho tiểu thuyết có tính chất tự truyện hình thành ngày một rõ nét, góp phần làm phong phú và đa dạng cho tiểu thuyết Việt Nam thế kỷ XX. Nhìn từ diện mạo của tiểu thuyết có tính chất tự truyện trong vòng một thế kỷ, có thể thấy tiểu loại này đã đi qua một hành trình dài, đầy phức tạp, chịu sự va đập của những thay đổi quan niệm nghệ thuật khác nhau qua các giai đoạn văn học. Hơn nữa, tiểu loại này thể hiện rất rõ hành trình của cái tôi - tác giả đi vào tác phẩm như một đối tượng văn học, nhưng đồng thời chính nó cũng là con đường dẫn tác giả về để gặp lại chính mình. Trong dòng văn học Việt Nam, sự phát triển của tiểu thuyết có tính chất tự truyện phản ánh rất rõ nét những bước thay đổi trong quan niệm của nhà văn về cái tôi cá nhân, về cuộc sống và cả trong hoạt động sáng tạo. Qua mỗi giai đoạn phát triển, tiểu thuyết có tính

chất tự truyện lại mang một diện mạo con đường phát triển văn học dân tộc mới, một hướng đi mới, dự phần vào

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thiện Đạo (2015), *Văn học phương Tây lý luận, phê bình và dịch thuật*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội
2. Mạnh Phú Tư (1983), *Sống nhờ* (tái bản), Nxb Văn học, Hà Nội
3. Nguyễn Thị Việt Nga (2012), “Vấn đề thân phận con người trong tiểu thuyết đô thị Miền Nam 1954 - 1975”, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội
4. Nguyễn Thị Bình (2007) *Văn xuôi Việt Nam 1975 - 1995 những đổi mới cơ bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
5. Thụy Khuê (2008), “Sóng từ trường II”, <http://thuykhue.free.fr/stt2/BNTAN>, (truy cập ngày 9/4/2019)

COUNTENANCE OF AUTOBIOGRAPHICAL NOVELS IN VIETNAMESE LITERATURE IN THE TWENTIETH CENTURY

ABSTRACT

Compared to other genres, autobiographical novels seem quite new. It is a product of the modern era, but this subcategory was nurtured and gestated throughout the long medieval period. Thanks to the literary modernization of the early years of the twentieth century, it created a foundation helping the autobiographical novel become clearer, contributing to enriching and diversifying Vietnamese fiction in 20th century.

Keywords: *Novel, locomotion of novels, autobiographical nature*

(Received: 27/12/2019, Revised: 11/2/2020, Accepted for publication: 6/8/2020)